

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày 19-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị An

Ông Vũ Văn Thôn

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Huệ và bà Vũ Thị Hà - Kiểm sát viên.

- Thư ký ở điểm cầu thành phần: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Hải Phòng xét xử công khai trực tuyến (Điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng, điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an thành phố H) vụ án hình sự thụ lý số 63/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Vi Văn T, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1972 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản H, xã Q, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn V và bà Vi Thị Q; có vợ Vi Thị M, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2004/HSST ngày 22/6/2004 của Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2006, nộp án phí ngày 23/12/2004 (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 27/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

2. Vi Văn Đ, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1979 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản Đàng, xã N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn N và bà Phạm Thị C; vợ

Lương Thị É, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

3. Vi Văn T1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1988 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản Pốt, xã N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T2 và bà Phạm Thị C; có vợ Kha Thị E N1, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2021/HS-ST ngày 14/10/2021 Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2022, nộp án phí ngày 09/3/2022 (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giữ ngày 27/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

4. Lô Văn T3, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1987 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản Đảng, xã N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lô Văn K và bà Lục Thị K1; có vợ Cụt Thị M1, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

5. Vi Văn T4, sinh ngày 07 tháng 6 năm 2001 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản Tục Pang, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn Đ1 và bà Lương Thị H; có vợ Lang Thị V1, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 30/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

6. Vi Văn Đ2, sinh ngày 29 tháng 11 năm 1994 tại Nghệ An. Nơi thường trú: Bản Mường H1, xã T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn T5 và bà Lô Thị X; có vợ Vi Thị H2, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27/7/2025; tạm giam ngày 01/8/2025; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn Đ2, Vi Văn T4:* Ông Nguyễn Văn Tú N2 và bà Trương Thị H3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; Ông N2 vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bà H3 có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T:* Bà Nguyễn Thị Bích L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vi Văn T1, Lô Văn T3:* Bà Nguyễn Thị Thu T6 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2025, Công an phường A, thành phố Hải Phòng lập 02 tổ công tác kiểm tra an ninh trật tự trên địa bàn phường. Khoảng hơn 21 giờ, tổ công tác thứ nhất kiểm tra bắt quả tang trong phòng trọ ở tổ dân phố K có Vi Văn Đ, Vi Văn T, Lô Văn T3 và Vi Văn T1 đang sử dụng chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 02 mảnh giấy bạc (mẫu QT01); 01 gói giấy bạc kích thước 2x3cm bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục (mẫu QT02); 01 dao lam; 02 bật lửa và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A16 của Vi Văn Đ. Khoảng 22 giờ, tổ công tác thứ hai kiểm tra phòng trọ của Vi Văn Đ2 cùng ở tổ dân phố K phát hiện thu giữ tại túi quần của Đ2 treo trong nhà vệ sinh 01 túi vải màu đen, bên trong có 13 gói nilon và 01 gói giấy đều chứa chất bột màu trắng, Đ2 khai là ma túy mua của Vi Văn T4 để sử dụng và bán kiếm lời. Ngoài ra còn thu giữ 01 điện thoại di động Iphone 14promax; 01 cân điện tử và 200.000đồng của Vi Văn Đ2. Hai tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Ngày 30/7/2025, Vi Văn T4 đến Công an phường A đầu thú về hành vi bán ma túy cho Vi Văn Đ2 và giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 15plus. Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của T4 thu giữ 01 cân điện tử.

Kết quả điều tra hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Khoảng hơn 18 giờ ngày 27/7/2025, Vi Văn Đ, Vi Văn T1, Lô Văn T3 và Vi Văn T đi ăn, sau đó thống nhất mỗi người góp 50.000đồng mua ma túy về sử dụng. Do không có tiền nên T, T1, T3 bảo Đ đi vay 200.000đồng để mua ma túy và mọi người sẽ trả cho Đ sau. Sau khi vay được tiền, Đ gọi điện cho Vi Văn Đ2 hỏi mua 200.000đồng Heroine, Đ2 đồng ý. Khoảng 10 phút sau, Đ2 đến khu vực chợ K2 đưa cho Đ 01 gói ma túy. Trên đường cả nhóm về phòng trọ thấy phòng của Ngân Văn T7 mở cửa, không có ai nên tự ý đi vào. Đ để gói ma túy xuống chiếu, T bóc giấy bạc từ vỏ bao thuốc lá, T1 dùng dao lam trong phòng trọ chia nhỏ số ma túy lên giấy bạc. Truyền lấy bật lửa hơi nóng giấy bạc để sử dụng ma túy rồi lần lượt châm lửa cho Đ, T3, T1 sử dụng. Cả nhóm sử dụng đến hơn 21 giờ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Kết luận giám định số 564/KL-KTHS ngày 30/7/2025 của Phòng K3 Công an thành phố H, kết luận: 02 mảnh giấy bạc của mẫu QT01 gửi giám định tìm thấy chất ma túy loại Heroine, không đủ điều kiện xác định hàm lượng, khối lượng chất ma túy. Chất bột màu trắng của mẫu QT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,03gam, loại Heroine.

Kết luận giám định số 565/KL-KTHS ngày 30/7/2025 của Phòng K3 Công an thành phố H, kết luận: Các mẫu nước tiểu ghi tên Vi Văn T, Vi Văn Đ, Lô Văn T3 và Vi Văn T1 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy loại Morphine. Morphine là sản phẩm chuyển hoá được tìm thấy khi con người sử dụng chất ma túy Heroine, Thuốc phiện và các chế phẩm từ thuốc phiện hoặc trực tiếp M2.

Kết quả điều tra hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Do nghiện ma túy nên Vi Văn T4 nhiều lần mua Heroine của một phụ nữ (không rõ nhân thân, lai

lịch) ở khu V, phường H để sử dụng và bán lại kiếm lời. Tháng 02/2025, T4 quen Vi Văn Đ2 là người sử dụng Heroine nên nói với Đ2 khi nào cần mua thì liên hệ. Mỗi lần mua ma túy, Đ2 gọi điện qua ứng dụng zalo cho T4 để thông báo số lượng và sử dụng tài khoản ngân hàng A1 số 2104205180641 tên Vi Văn Đ2 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V2 số 103876973626 tên Vi Văn T4. Các lần T4 bán ma túy cho Đ2, cụ thể như sau:

Ngày 11/6/2025, Đ2 gọi điện cho T4 hỏi mua 1.000.000đồng Heroine rồi chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho T4. Sau đó, T4 đến khu vực đê Quai Chảo mua của một người phụ nữ 700.000đồng được 03 gói nilon chứa Heroine. Về phòng trọ T4 lấy một ít ma túy ra sử dụng, phần còn lại chia đều vào 04 gói, bán cho Đ2 03 gói, còn 01 gói cất ở nhà.

Ngày 14/6/2025, Đ2 gọi điện cho T4 để mua 2.550.000đồng Heroine và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của T4. T4 đến đê Quai Chảo mua 1.500.000đồng được 05 gói nilon chứa Heroine về giao cho Đ2.

Ngày 15/6/2025, Đ2 gọi điện hỏi mua 500.000đồng Heroine, do vẫn còn 01 gói từ ngày 11/6/2025 nên T4 lấy bán cho Đ2.

Ngày 21/6/2025, Đ2 gọi cho T4 mua 2.900.000đồng H4 và chuyển tiền vào tài khoản cho T4. T4 đến đê Quai Chảo mua 1.500.000đồng Heroine được 04 gói, về phòng trọ chia nhỏ thành 05 gói bán cho Đ2.

Cũng bằng cách thức tương tự, lần lượt ngày 22/6/2025, T4 bán cho Đ2 05 gói ma túy Heroine với số tiền 3.000.000đồng. Ngày 25/6/2025, bán 01 gói với giá 500.000 đồng. Ngày 27/6/2025, bán 04 gói với giá 2.200.000đồng. Ngày 29/6/2025, bán 01 gói với giá 600.000đồng. Ngày 30/6/2025, bán 04 gói với giá 2.000.000đồng. Ngày 03/7/2025, bán 05 gói với giá 2.500.000đồng. Ngày 05/7/2025, bán 04 gói với giá 1.800.000đồng; cùng ngày, T4 còn bán cho Quang Văn C1, sinh năm 1989, trú tại thôn Q, xã T, tỉnh Nghệ An 01 gói với giá 500.000đồng. Ngày 06/7/2025, bán 02 gói với giá 1.000.000đồng. Các lần mua bán, Đ2 đã chuyển khoản trả tiền T4. Ngoài ra, còn 01 lần vào đầu tháng 7/2025 (không nhớ ngày), T4 bán cho Đ2 01 gói với giá 500.000đồng, Đ2 đã trả tiền mặt.

Sau khi mua ma túy của T4, Đ2 lấy một ít để sử dụng còn lại chia nhỏ các gói để bán lại cho nhiều người. Ngày 27/7/2025, còn 19 gói ma túy mua của T4 chưa bán hết, Đ2 để trong túi vải ở túi quần treo trong nhà vệ sinh phòng trọ. Khoảng 13 giờ ngày 27/7/2025, Lương Quang A, sinh năm 2002, trú tại xã N, tỉnh Nghệ An nhắn tin cho Đ2 hỏi mua 02 gói ma túy Heroine và hẹn giao tại cổng Công ty V3 ở phường A. Đ2 báo giá 200.000đồng/gói và công vận chuyển 100.000đồng, Quang A đồng ý rồi sử dụng tài khoản ngân hàng M4 tên Lương Quang A chuyển 290.000đồng vào tài khoản ngân hàng A1 số 2104205180641 của Đ2 và đưa cho Đ2 110.000đồng tiền mặt còn nợ lại 100.000đồng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Quang A đến nhà Đ2 mua 01 gói Heroine với giá 200.000đồng. Đến 19 giờ, Đ2 lại bán cho Quang A 01 gói Heroine với giá 360.000đồng. Tất cả các lần mua ma túy của Đ2, về phòng trọ Quang A một mình sử dụng hết. Khoảng 20 giờ

cùng ngày 27/7/2025, Đ2 bán cho Vi Văn Đ 01 gói Heroin với giá 200.000đồng như nội dung tờ chức sử dụng ma túy nêu trên.

Kết luận giám định số 568/KL-KTHS ngày 30/7/2025 của Phòng K3 Công an thành phố H, kết luận: Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,63gam, loại Heroine.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy có trong nước tiểu của Vi Văn T4 và Vi Văn Đ2 xác định: Dương tính với test thử chất ma túy Morphine/Heroine.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Lô Văn T3 và Vi Văn T1 khai nhận trong lúc các bị cáo đang sử dụng chất ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang. Bị cáo Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 khai nhận hành vi mua bán ma túy như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối với số ma túy bị thu giữ còn lại bị cáo Đ2 thừa nhận để bán lại cho các đối tượng nghiện. Các bị cáo xác định bản thân vi phạm pháp luật việc điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo là đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKSKV2 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3 đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố các bị cáo theo nội dung cáo trạng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T1 từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lô Văn T3 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Miễn phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn T4 từ 09 (chín) năm đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; M3 phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ2 từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; M3 phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bì giấy có dấu niêm phong số 568MT/PC09; 564MT/PC09, 564MT-A/PC09 đều của Phòng K3 Công an thành phố H; 01 dao lam; 02 bật lửa; 02 cân điện tử.

- Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Sam sung mặt trước nứt vỡ, được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14673 thu giữ của Vi Văn Đ; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A1 thu giữ của Vi Văn T4; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A2 của Vi Văn Đ2 (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra tình trạng hoạt động và cấu hình của điện thoại); số tiền 200.000đồng vào ngân sách Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Vi Văn T4 phải nộp lại số tiền 21.550.000đồng, bị cáo Vi Văn Đ2 phải nộp lại số tiền 1.060.000đồng thu lời bất chính mà có.

Các bị cáo được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo trình bày căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo. Quan điểm phát biểu, người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng đưa ra tại phiên tòa. Căn cứ vào nhân thân, nhận thức, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội, hoàn cảnh của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho các bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất và miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định có tội, tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; sơ đồ hiện trường, phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định số 564/KL-KTHS ngày 30/7/2025, Kết luận giám định số 565/KL-KTHS ngày 30/7/2025, Kết luận giám định số 568/KL-KTHS ngày 30/7/2025 của Phòng K3 Công an thành phố H, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Trong tháng 06 và tháng 07/2025, tại tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng, Vi Văn T4 đã 13 lần bán trái phép chất ma túy Heroine cho Vi Văn Đ2 với tổng số tiền là 21.050.000 đồng; 01 lần bán trái phép chất ma túy Heroine cho Quang Văn C1 với số tiền 500.000 đồng. Sau khi mua ma túy, Đ2 sử dụng và bán lại cho nhiều người, trong đó ngày 27/7/2025 đã 03 lần bán H4 cho Lương Quang A với tổng số tiền 1.060.000 đồng và bán 01 gói Heroine cho Vi Văn Đ với giá 200.000 đồng, còn lại 13 gói Heroine có khối lượng 1,63 gam Đ2 để tại phòng trọ, mục đích để bán kiếm lời thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ. Ngày 27/7/2025, Vi Văn Đ, Vi Văn T, Lô Văn T3 và Vi Văn T1 cùng nhau góp tiền để Đ đi mua ma túy của Vi Văn Đ2 về phòng trọ của anh Ngân Văn T7 ở tổ dân phố K, phường A. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh trên là có căn cứ.

- Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người. Về nhân thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, căn cứ vào Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt một mức án nghiêm khắc cách ly các bị cáo một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3, Vi Văn T4, Vi Văn Đ2

có thái độ thành khẩn khai báo, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Văn T4 đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho các bị cáo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp. Xét thấy các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng đã được hưởng quyền trợ giúp pháp lý, miễn hình phạt bổ sung cũng như miễn án phí hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người bào chữa cho các bị cáo đã đưa ra tại phiên tòa.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3, Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tài liệu hồ sơ xác định bị cáo Vi Văn T về nhân thân có 01 tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2004/HSST ngày 22/6/2004 của Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2006, án phí ngày 23/12/2004. Bị cáo Vi Văn T1 về nhân thân có 01 tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2021/HS-ST ngày 14/10/2021 Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2022, nộp án phí ngày 09/3/2022. Tính đến ngày phạm tội lần này các bị cáo Vi Văn T, Vi Văn T1 đã được xóa án tích.

[6] Vụ án đồng phạm, Hội đồng xét xử đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tính tổ chức. Để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo Hội đồng xét xử phân hoá vai trò của các bị cáo như sau:

- Về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo T là người khởi xướng việc đi mua ma túy về sử dụng, bóc giấy bạc từ vỏ bao thuốc lá để bị cáo T1 dùng dao lam trong phòng trọ chia nhỏ số ma túy lên giấy bạc. Bị cáo Đ là người đi vay tiền, trực tiếp đi mua ma túy. Truyền lấy bật lửa hơi nóng giấy bạc để sử dụng ma túy rồi lần lượt châm lửa cho Đ, T3, T1 sử dụng. Do vậy, bị cáo T, bị cáo Đ có vai trò cao nhất, đến bị cáo T1, bị cáo T3 có vai trò thấp nhất. Bị cáo T1 có 01 tiền án (đã xóa án tích) nên các bị cáo T, Đ, T1 phải chịu mức hình phạt ngang nhau và cao hơn bị cáo T3.

- Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo T4 đã bán trái phép ma túy cho bị cáo Đ2 13 lần, bị cáo Đ2 sau khi mua được ma túy của bị cáo T4 đã bán lại cho các đối tượng nghiện 04 lần. Do vậy, bị cáo T4 có vai trò cao hơn bị cáo Đ2 nên phải chịu mức hình phạt cao hơn.

- Về các vấn đề khác:

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3, Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện

kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp: Tài liệu hồ sơ xác định bị cáo Vi Văn T4 đã bán ma túy cho Vi Văn Đ2, Quang Văn C1 thu được số tiền 21.550.000đồng; bị cáo Vi Văn Đ2 đã bán ma túy cho Lương Quang A, Vi Văn Đ thu được số tiền 1.060.000đồng. Đây là số tiền thu lời bất chính mà có nên buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy các bị cáo sử dụng phạm tội, sau khi giám định số ma túy hoàn lại đựng trong 01 bì giấy có dấu niêm phong số 568MT/PC09; 564MT/PC09, 564MT-A/PC09; 01 dao lam; 02 bật lửa; 02 cân điện tử; 03 điện thoại di động và 200.000đồng, chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 quản lý. Xét số ma túy hoàn lại sau giám định đựng trong 03 bì giấy có dấu niêm phong số 568MT/PC09; 564MT/PC09, 564MT-A/PC09 đều của Phòng K3 Công an thành phố H là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành; 01 dao lam; 02 bật lửa; 02 cân điện tử không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động Sam sung mặt trước nứt vỡ, được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14673 thu giữ của Vi Văn Đ; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A1 thu giữ của Vi Văn T4; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A2 14 Promax của Vi Văn Đ2 (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra tình trạng hoạt động và cấu hình của điện thoại) là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; số tiền 200.000đồng thu giữ của Vi Văn Đ2 là khoản tiền thu lời bất chính mà có nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo Vi Văn T khai quá trình cơ quan điều tra bắt giữ bị cáo đã thu giữ 01 chiếc điện thoại của bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện có việc thu giữ 01 chiếc điện thoại của bị cáo T. Ngoài lời khai của bị cáo không còn chứng cứ nào chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Đối với Vi Văn T4, Vi Văn Đ2, Lương Quang A và Quang Văn C1 sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không đủ các điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Vi Văn T4, Vi Văn Đ2, Lương Quang A và Quang Văn C1. Ngân Văn T7 không có mặt trong phòng trọ, không biết việc các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng trọ của mình nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ. Người phụ nữ bán ma túy cho Vi Văn T4, chưa xác định được lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ xử lý sau.

[11] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3 đồng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Vi Văn T1 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Lô Văn T3 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù của các bị cáo Vi Văn T, Vi Văn Đ, Vi Văn T1, Lô Văn T3 tính từ ngày 27/7/2025. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự (bị cáo Vi Văn T4 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Tuyên bố các bị cáo Vi Văn T4, Vi Văn Đ2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Xử phạt bị cáo Vi Văn T4 09 (chín) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ2 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù của bị cáo Vi Văn T4 tính từ ngày 30/7/2025, Thời hạn tù của bị cáo Vi Văn Định T8 từ ngày 27/7/2025. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo Vi Văn T4, Vi Văn Đ2.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Vi Văn T4 phải nộp lại số tiền 21.550.000đồng, bị cáo Vi Văn Đ2 phải nộp lại số tiền 1.060.000đồng là khoản tiền thu lời bất chính mà có vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 bì giấy có dấu niêm phong số 568MT/PC09; 564MT/PC09, 564MT-A/PC09 đều của Phòng K3 Công an thành phố H; 01 dao lam; 02 bật lửa; 02 cân điện tử.

- Tịch thu sung công 01 điện thoại di động Sam sung mặt trước nứt vỡ, được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14673; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A1; 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong 01 bì giấy có ký hiệu là PC04 14672 A2 (đều đã qua sử dụng và không kiểm tra tình trạng hoạt động và cấu hình của điện thoại) và số tiền 200.000đồng vào ngân sách Nhà nước.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2-Hải Phòng, biên lai thu tiền số 0000712 ngày 13/02/2026).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q1 ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 các bị cáo Vi Văn Đ, Vi Văn T, Vi Văn T1, Lô Văn T3, Vi Văn Đ2, Vi Văn T4 được miễn án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 Hải Phòng;
- Phòng PV 06, PC 10 CATP; PV01, Sở Tư pháp HP, bị cáo;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương